

Số: 101/QĐ- AN

Gò Vấp, ngày 08 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước quý I năm 2023;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2023 của Trường THCS An Nhơn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Tổ, bộ phận có liên quan thuộc Trường THCS An Nhơn chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

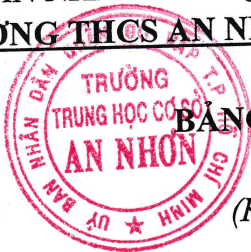
- Như Điều 3;
- Lưu :VT, H₍₀₂₎.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Dương Hoàng Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS AN NHƠN



**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số: 101/QĐ-AN ngày 08 tháng 4 năm 2023)

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán quý I năm 2023

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 CCTL	Nguồn KP KTX (12)
Tồn năm 2022 chuyển sang	47.079.512	1.363.499.793	
Dự toán giao đầu năm 2023		1.545.485.000	14.312.087.000
Kinh phí tăng giảm trong quý		0	163.800.000
Dự toán đã sử dụng		0	2.118.577.574
+ Quý 1			2.118.577.574
Tồn cuối kỳ:	47.079.512	2.908.984.793	12.357.309.426



II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:**1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :**

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý I/2023	Luỹ kế từ đầu năm
A	B	1	2
	Cộng	0,00	0,00

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý I/2023	Luỹ kế từ đầu năm
A	B	1	2
	Cộng	0,0	0,0

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12-073) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý I/2023	Luỹ kế từ đầu năm
A	B	1	2
6000	Tiền lương	1.082.955.244	1.082.955.244
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	1.082.955.244	1.082.955.244
6050	Tiền lương hợp đồng	56.160.000	56.160.000
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	56.160.000	56.160.000
6100	Phụ cấp lương	491.129.628	491.129.628
6101	Phụ cấp chức vụ	18.401.500	18.401.500
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	894.000	894.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	329.507.838	329.507.838
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	894.000	894.000

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý I/2023	Lũy kế từ đầu năm
A	B	1	2
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	141.432.290	141.432.290
6300	Các khoản đóng góp	306.229.102	306.229.102
6301	Bảo hiểm xã hội	227.764.151	227.764.151
6302	Bảo hiểm y tế	39.606.892	39.606.892
6303	Kinh phí công đoàn	26.030.179	26.030.179
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12.827.880	12.827.880
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	177.603.600	177.603.600
6449	Chi khác	177.603.600	177.603.600
6700	Công tác phí	4.500.000	4.500.000
6704	Khoản công tác phí	4.500.000	4.500.000
	Cộng	2.118.577.574	2.118.577.574

